

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 7 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Thực hiện Công văn số 5423/BNN-VPDP ngày 12/8/2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn lập kế hoạch triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2021. UBND tỉnh Điện Biên báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 7 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên, như sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI 7 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2020

1. Công tác quản lý, điều hành thực hiện chương trình

1.1. Ban hành các cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, UBND tỉnh - Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Điện Biên đã ban hành văn bản số 292/BCĐ-KTN ngày 11/02/2020 về triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2020; Văn bản số 870/BCĐ-KTN ngày 30/3/2020 về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020; UBND tỉnh đã ban hành văn bản đề xuất đặt hàng đề tài khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới; Kế hoạch thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Đề án OCOP) năm 2020; ban hành Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 về Quy chế quản lý sản phẩm tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Điện Biên giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 17/4/2020 về việc điều chỉnh, bổ sung sản phẩm, chủ thể sản xuất tham gia đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Điện Biên giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030.

1.2. Công tác kiện toàn hệ thống bộ máy chỉ đạo thực hiện Chương trình các cấp (tỉnh, huyện, xã)

Trong 7 tháng đầu năm 2020, Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình MTQG các cấp, Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp trên địa bàn tỉnh sau khi rà soát cơ bản vẫn được giữ ổn định về tổ chức bộ máy, tiếp tục thực hiện chức

năng, nhiệm vụ và quy chế làm việc theo các văn bản đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.3. Nâng cao năng lực, đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp

Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Điện Biên đã ban hành Kế hoạch số 26/KH-BCĐ ngày 25/02/2020 về việc đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp; truyền thông và tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm về xây dựng nông thôn mới năm 2020. Trong đó, giao cho Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp Văn phòng Điều phối nông thôn mới các huyện; Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới các xã mở 34 lớp tập huấn cho cán bộ thôn, bản, cán bộ hội đoàn thể và cán bộ cấp xã với 1.130 lượt người tham gia; mở 06 lớp tập huấn cho cán bộ quản lý Chương trình OCOP với cán bộ hội đoàn thể với 200 lượt người tham gia; tổ chức 02 chuyến tham quan học tập kinh nghiệm của Hội Nông dân, Hội phụ nữ với 44 người tham gia.

Nội dung đào tạo, bồi dưỡng: Theo Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng về xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 4072/QĐ-BNN ngày 12/10/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt Chương trình khung tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2016 - 2020 và tổng quan Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh.

1.4. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về xây dựng nông thôn mới; kết quả thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”; cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; sự tham gia của các đoàn thể chính trị, xã hội

- Công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ và người dân tiếp tục được tăng cường với nhiều hình thức đa dạng, phong phú theo hướng chuyên đề, chuyên sâu; trong 7 tháng, đã có hàng trăm tin, bài về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, Đài phát thanh và truyền hình tỉnh Điện Biên đã mở chuyên mục Nông thôn mới phát hàng tuần, Trang thông tin điện tử Nông thôn mới tỉnh tại địa chỉ <http://vpntm.dienbien.gov.vn>, đến nay đã thu hút trên 15.500 lượt người truy cập. Nhờ làm tốt công tác truyền thông, thông tin tuyên truyền, vận động nên nhiều chủ trương, chính sách và các mô hình, cách làm hay đã đến được các địa phương và người dân; nhân dân đã tích cực tham gia và tự nguyện hiến đất, tham gia ngày công để xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, dân sinh và đạt chuẩn các tiêu chí NTM.

- Các tổ chức chính trị - xã hội các cấp đã tích cực chủ động tuyên truyền, vận động các thành viên, hội viên tham gia thực hiện xây dựng nông thôn mới thông qua việc lồng ghép đã triển khai các phong trào, cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với cuộc vận động “xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”.

- Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, vận động đã nâng cao nhận thức cho các tầng lớp nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, góp phần tạo nên sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức của người dân. Đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh đã nhận thức được mục đích, ý nghĩa của

việc xây dựng nông thôn mới, có những việc làm cụ thể, thiết thực như: hiến đất, đóng góp ngày công lao động để xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, nhà văn hóa thôn (bản), xây dựng nếp sống văn minh ở cộng đồng dân cư.

Đầu năm 2020, UBND tỉnh đã tổ chức tặng bằng khen cho 12 tập thể và 01 cá nhân có thành tích xuất sắc trong xây dựng xã nông thôn mới và thực hiện “Chương trình mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) năm 2019, qua đó đã tạo nên khí thế trong phong trào thi đua yêu nước, thi đua xây dựng nông thôn mới giữa các xã, các huyện trong tỉnh.

1.5. Giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với những địa phương (huyện, xã) được công nhận đạt chuẩn.

Công tác kiểm tra, giám sát việc xây dựng nông thôn mới được thực hiện thường xuyên, các thành viên Ban Chỉ đạo theo chức năng và nhiệm vụ được giao thường xuyên bám sát cơ sở, đôn đốc chỉ đạo và có văn bản hướng dẫn các địa phương thực hiện tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá chất lượng xây dựng nông thôn mới.

Đối với các xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, trong quá trình hoàn thiện hồ sơ xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới hàng năm Mặt trận Tổ quốc các cấp đều lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đối với việc công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới và kết quả đều đạt ≥ 95%.

1.6. Công tác quản lý, sử dụng vốn ngân sách trung ương và huy động nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

a) Kết quả phân bổ nguồn vốn ngân sách Trung ương được giao thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Tổng nguồn vốn NSTW phân bổ trực tiếp cho Chương trình năm 2020 là: 546.200 triệu đồng

+ Vốn đầu tư phát triển: 460.300 triệu đồng, trong đó: (Vốn trong nước là 310.300 triệu đồng; vốn nước ngoài là 150.000 triệu đồng)

+ Vốn sự nghiệp: 85.900 triệu đồng

* **Đối với thực hiện kiến nghị của Bộ Tài chính về phương án phân bổ kế hoạch vốn NSTW năm 2020:**

a.1. Kết quả phân bổ chi tiết kế hoạch vốn Đầu tư phát triển Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020: UBND tỉnh Điện Biên đã thực hiện phân bổ hạn mức tổng số vốn cấp cho huyện theo tiêu chí quy định (Vốn trong nước tại Quyết định 1264/QĐ-UBND ngày 09/12/2019, vốn nước ngoài tại Quyết định 1369/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 v/v phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Trung ương năm 2020). Trên cơ sở số vốn được giao, UBND cấp huyện có trách nhiệm phân bổ chi tiết vốn để thực hiện các nội dung dự án.

a.2. Rà soát tình hình phân bổ vốn chi tiết tại cấp huyện của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

Tính đến thời điểm báo cáo, UBND các huyện, thị xã, thành phố đã phân bổ chi tiết nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để tổ chức triển khai thực hiện.

b) Khối lượng hoàn thành và tiến độ giải ngân kế hoạch vốn NSTW được giao tính đến hết tháng 7/2020 và ước thực hiện đến hết năm 2020.

- Vốn Đầu tư phát triển: Thực hiện giải ngân 233.786 triệu đồng, đạt 50,79% Kế hoạch giao.

- Vốn sự nghiệp: Thực hiện giải ngân 5.330 triệu đồng, đạt 6,2% Kế hoạch giao.

* Ước thực hiện đến hết năm 2020: Đạt 100% kế hoạch giao

c) Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình năm 2020

Tổng nguồn lực huy động năm 2020: **2.031.467** triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: **546.200 triệu đồng**

- Vốn lồng ghép các chương trình, dự án: **1.336.596 triệu đồng**

- Vốn tín dụng: **119.186 triệu đồng**

- Cộng đồng dân cư đóng góp: **29.485 triệu đồng**

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình

2.1. Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới

2.1.1. Kết quả thực hiện tính đến hết tháng 7/2020, dự kiến khả năng hoàn thành mục tiêu đến năm 2020, cụ thể:

- Đến nay trên địa bàn tỉnh chưa có huyện nào đạt huyện nông thôn mới, có 02 đơn vị cấp huyện đang hoàn thiện các tiêu chí để xét, công nhận địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Xã đạt chuẩn nông thôn mới: Theo lũy kế, đến hết tháng 7/2020, toàn tỉnh đã có Quyết định công nhận 19 xã đạt chuẩn NTM¹ (chiếm 16,52% trên tổng số xã trên địa bàn tỉnh); Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí có 14 xã; Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí có 26 xã; Số xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí có 56 xã; không còn xã dưới 05 tiêu chí; Số tiêu chí bình quân đến tháng 7/2020 đạt 11,3 tiêu chí/xã; Ước đến hết năm 2020 có 21 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 18,26%, 22 xã đạt 15-18 tiêu chí, 30 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, 42 xã đạt từ 5-9 tiêu chí, số tiêu chí bình quân đạt 11,7 tiêu chí/xã.

2.1.2. Kết quả thực hiện một số tiêu chí nâng cao của Chương trình:

- Kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới nâng cao và xã nông thôn mới kiểu mẫu: Giai đoạn 2016-2020 tỉnh Điện Biên lựa chọn 01 xã để xây dựng xã nông thôn mới, xã nông thôn mới kiểu mẫu, đến nay xã Thanh Hưng, huyện Điện Biên mới đạt 12/16 tiêu chí, theo Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao (*các tiêu chí chưa đạt là số 3 về thủy lợi, số 6 về thông tin và truyền thông, số 10 về tổ*

¹ Năm 2019, có thêm 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 19/19 tiêu chí gồm các xã: Sam Mùn - huyện Điện Biên; Nà Táu – Thành phố Điện Biên Phủ.

chức sản xuất, số 14 về cảnh quan, môi trường). Ước đến hết năm 2020 tỉnh Điện Biên sẽ có 01 xã Thanh Hưng đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu.

2.1.3. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu cơ bản tác động đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân nông thôn năm 2019 và dự kiến hết năm 2020

Cuối năm 2019 thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn đạt 18,5 triệu đồng/người/năm; Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn chiếm 39,43%; Tỷ lệ người tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 96,8%; Số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 421.885 người (chiếm tỷ lệ 81,97%).

Ước đến cuối năm 2020 thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn đạt 19,5 triệu đồng/người/năm; Tỷ lệ hộ nghèo khu vực nông thôn giảm còn 37%; Tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 84,13%; Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 98,9%.

2.2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới

2.2.1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới

Tỉnh Điện Biên đã phê duyệt 115/115 đồ án Quy hoạch chung xã nông thôn mới đạt 100% so với mục tiêu đề ra. Tuy nhiên, việc rà soát, điều chỉnh và cắm mốc quy hoạch vẫn chưa được thực hiện do thiếu kinh phí.

2.2.2. Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Kết quả chung toàn tỉnh về xây dựng cơ sở hạ tầng:

- Giao thông: Đến nay có 51/115 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông, đạt 44,34%; Ước đến hết năm 2020 có 52/115 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông đạt 45,21%.

- Thuỷ lợi: Toàn tỉnh có 107/115 xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi, đạt 93,04%; Ước đến hết năm 2020 có 108/115 xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi, đạt 93,91%.

- Về Điện: Hiện có 61/115 xã đạt tiêu chí số 4 về điện, đạt 53,04%; Ước đến hết năm 2020 có 62/115 xã đạt tiêu chí số 4 về điện, đạt 53,91%.

- Trường học: Số xã đạt tiêu chí số 5 về trường học là 61/115 xã, đạt 53,04%; Ước đến hết năm 2020 có 62/115 xã đạt tiêu chí số 5 về trường học, đạt 53,91%.

- Cơ sở vật chất văn hóa: Đến nay, toàn tỉnh có 56/115 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa, đạt 48,69%; Ước đến hết năm 2020 có 57/115 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa, đạt 49,56%.

- Cơ sở hạ tầng thương mại: Đến nay, có 93/115 xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại, đạt 80,86%; Ước đến hết năm 2020 có 95/115 xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại, đạt 82,6%.

- Thông tin và truyền thông: Toàn tỉnh có 80/115 xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, đạt 69,56%; Ước đến hết năm 2020 có 81/115 xã đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông, đạt 70,43%.

- Về nhà ở dân cư: Số xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư là 40/115 xã, đạt 34,78%; Ước đến hết năm 2020 có 45/115 xã đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư, đạt 39,13%.

b) Đánh giá chung về mức độ đạt tiêu chí quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới, những tiêu chí thấp và nguyên nhân:

Đối với các tiêu chí về giao thông, điện, cơ sở vật chất văn hóa, nhà ở dân cư, thông tin và truyền thông rất khó đạt theo quy định của Bộ tiêu chí.

Nguyên nhân: Vì các tiêu chí này đòi hỏi nguồn lực lớn, song nguồn ngân sách Nhà nước hạn chế, nguồn ngân sách địa phương chưa bố trí được. Huy động trong nhân dân chủ yếu là hiến đất, ngày công lao động.

2.2.3. Phát triển sản xuất gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân

- Theo thống kê đến tháng 7/2020, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn ước đạt 19 triệu đồng/người/năm; có 23/115 xã đạt tiêu chí số 10 về thu nhập, đạt 20%; Ước đến hết năm 2020 có 25/115 xã đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập, đạt 21,73%

- Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo là 63/115 xã, đạt 54,78%. Đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 115/115 xã đạt tiêu chí số 12 về tỷ lệ lao động có việc làm đạt tỷ lệ 100%.

- Toàn tỉnh có 11 HTX thành lập mới, nâng tổng số HTX trên địa bàn toàn tỉnh lên 141 HTX; có 65/115 xã đạt Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất đạt 56,52%; Ước đến hết năm 2020 có 67/115 xã đạt tiêu chí số 13, đạt 58,26%.

2.2.4. Giảm nghèo và an sinh xã hội

Công tác giảm nghèo đã đạt được những kết quả quan trọng. Nhiều Chương trình, đề án, chính sách, cơ chế giảm nghèo của Nhà nước tiếp tục được quan tâm đầu tư, nên đã giải quyết cơ bản những vấn đề bức xúc của hộ nghèo và cận nghèo, đến nay có 20/115 xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo, đạt 17,39%; Ước đến hết năm 2020 có 23/115 xã đạt tiêu chí số 11 về hộ nghèo, đạt 20%.

2.2.5. Phát triển giáo dục ở nông thôn

Toàn tỉnh có 491 trường học các cấp, trong đó có 336/491 trường mầm non, phổ thông đang hoạt động giáo dục được công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt 68,4%. Đến nay, có 63/115 xã đạt tiêu chí số 14 về Giáo dục, đạt 54,78%; Ước đến hết năm 2020 duy trì 65/115 xã đạt tiêu chí số 14 về Giáo dục, đạt 56,52%.

2.2.6. Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn

Tỷ lệ người tham gia các hình thức bảo hiểm y tế là trên 98,9%. Cơ sở vật chất, chất lượng chăm sóc y tế cho người dân nông thôn được nâng lên, góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Đến nay, toàn tỉnh có 71/115 xã đạt tiêu chí số 15 về y tế, đạt 61,73%; Ước đến hết năm 2020 có 75/115 xã đạt tiêu chí số 15 về y tế, đạt 65,21%.

2.2.7. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn

Đến nay, toàn tỉnh có 69/115 xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa, đạt 60%; Ước đến hết năm 2020 có 71/115 xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa, đạt 61,73%.

2.2.8. Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục, xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề

Công tác bảo vệ môi trường nông thôn từng bước được chú trọng. Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn được triển khai hiệu quả, có 100% số xã có công trình nước sinh hoạt tập trung, tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh toàn tỉnh đạt trên 85%. Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành luật, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp tục được quan tâm. Nghĩa trang nhân dân tại các xã được xây dựng, chỉnh trang đảm bảo theo quy hoạch. Đến nay, trên toàn tỉnh có 54/115 xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm, đạt 46,95%; Ước đến hết năm 2020 có 58/115 xã đạt tiêu chí số 17 về môi trường và an toàn thực phẩm, đạt 50,43%.

2.2.9. Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới; cải thiện và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân

Đến nay, có 55/115 đơn vị Đảng bộ (chi bộ), chính quyền xã đạt “trong sạch vững mạnh” chiếm 47,82%; Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể xã đạt danh hiệu tiên tiến trở lên: có 87/115 đơn vị đạt danh hiệu tiên tiến trở lên, đạt 75%; Số lượng cán bộ, công chức cấp xã đạt chuẩn theo quy định là 1.975/2.518 chiếm 78,44%. Toàn tỉnh, có 55/115 xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, đạt 47,8%; Ước đến hết năm 2020 có 58/115 xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật, đạt 50,43%.

2.2.10. Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn

Tình hình an ninh trật tự xã hội nông thôn trên địa bàn tỉnh tiếp tục được củng cố và giữ vững, các địa phương đã thực hiện tốt và có hiệu quả phong trào quần chúng bảo vệ an ninh tổ quốc, chủ động giải quyết dứt điểm các vụ việc xảy ra trên địa bàn, làm tốt công tác phòng ngừa, đấu tranh tội phạm, chú ý giải quyết đơn khiếu nại tại địa phương, cơ sở không để vượt cấp. Số xã đạt chuẩn về tiêu chí số 19 quốc phòng và an ninh là 98/115 xã, đạt 85,21%; Ước đến hết năm 2020 có 99/115 xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh, đạt 86,08%.

2.3. Đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí huyện nông thôn mới (theo Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ), phản ánh theo từng tiêu chí huyện nông thôn mới (Kết quả thực hiện các tiêu chí, khối lượng hoàn thành các chỉ tiêu cụ thể; những thuận lợi, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện).

Đến nay tỉnh Điện Biên chưa có huyện đạt chuẩn nông thôn mới và địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

2.4. Kết quả thực hiện Chương trình Mô hình xã một sản phẩm (OCOP):

2.4.1. Công tác chỉ đạo điều hành

- Cấp tỉnh: UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 111/QĐ-UBND ngày 01/02/2019 kiện toàn và bổ sung nhiệm vụ và thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2016-2020; ban hành Quyết định phân bổ chi tiết

nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới thực hiện Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2020; ban hành Quyết định số 824/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 thành lập Hội đồng và Tổ giúp việc đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Điện Biên; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng và Tổ giúp việc Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Điện Biên; ban hành Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 05/3/2020 về Quy chế quản lý sản phẩm tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Điện Biên giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2030. Ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm năm 2020;...

- Cấp huyện: Đôn đốc các huyện, thị xã, thành phố kiện toàn Ban Chỉ đạo cấp huyện, bố trí cán bộ theo dõi Chương trình, ban hành quy chế hoạt động. Đến nay, 10/10 huyện, thị xã, thành phố đã kiện toàn Ban chỉ đạo cấp huyện.

- Cấp xã: Các huyện, thị xã, thành phố đã chỉ đạo 100% số xã phân công cán bộ kiêm nhiệm tham mưu và làm đầu mối triển khai thực hiện Chương trình OCOP.

2.4.2. Thực hiện công tác hỗ trợ xúc tiến thương mại

- Ban Chỉ đạo của tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Phát triển nông thôn) thành lập Đoàn công tác tham gia sự kiện giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP gắn với văn hóa các tỉnh miền núi phía Bắc (từ ngày 23-27/7/2020) mục đích giới thiệu một số sản phẩm đã được chứng nhận năm 2019 và một số sản phẩm đăng ký tham gia Chương trình OCOP năm 2020 của tỉnh; tìm kiếm đối tác, kết nối cung cầu, chuyển giao công nghệ, hợp tác kinh doanh, cung ứng dịch vụ giữa các doanh nghiệp, các Hiệp hội chuyên ngành, các tổ chức quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm, các nhà khoa học cho các sản phẩm của tỉnh; Học tập kinh nghiệm tổ chức Hội chợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm của các tỉnh phía Bắc.

- Xây dựng các điểm giới thiệu, quảng bá, trưng bày và bán các sản phẩm OCOP tại thành phố Điện Biên Phủ; xây dựng các Pano quảng bá các sản phẩm OCOP của tỉnh tại các điểm du lịch và khu đông dân cư.

- Tổ chức Lễ ký kết biên bản ghi nhớ hợp tác giữa Văn phòng nông thôn mới tỉnh Điện Biên với Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới Trung ương, Ban xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh, Hiệp Hội bán lẻ Việt Nam, một số Công ty phân phối về hợp tác, kết nối tiêu thụ sản phẩm OCOP...

2.4.3. Thực hiện công tác đánh giá, xếp loại sản phẩm OCOP

Năm 2019, tỉnh Điện Biên lần đầu triển khai đánh giá, chấm điểm và xếp hạng sản phẩm OCOP, đã đạt được một số kết quả, như sau:

- Tổng số sản phẩm được đề xuất tham gia đánh giá năm 2019 bao gồm 31 sản phẩm của 12 đơn vị Doanh nghiệp, HTX, chủ cơ sở sản xuất của các huyện, thị xã và thành phố: Huyện Tủa Chùa (03 sản phẩm), huyện Tuần Giáo (01 sản phẩm), huyện Mường Áng (03 sản phẩm), huyện Điện Biên Đông (04 sản phẩm),

huyện Điện Biên (07 sản phẩm), thị xã Mường Lay (02 sản phẩm) và thành phố Điện Biên Phủ (11 sản phẩm). Trong đó:

- Ngành thực phẩm:

- + Nhóm thực phẩm tươi sống: 03 sản phẩm

- + Nhóm thực phẩm thô, sơ chế: 09 sản phẩm (phân nhóm gạo, ngũ cốc có 07 sản phẩm; Phân nhóm mật ong, các sản phẩm từ mật ong, mật khác có 02 sản phẩm).

- + Thực phẩm chế biến có 05 sản phẩm (trong đó, phân nhóm chế biến từ gạo, ngũ cốc có 01 sản phẩm; phân nhóm chế biến từ rau, củ, quả, hạt có 01 sản phẩm; phân nhóm chế biến từ thịt, trứng, sữa có 03 sản phẩm).

- + Nhóm gia vị (phân nhóm tương, nước mắm, gia vị dạng lỏng khác) có 01 sản phẩm.

- + Nhóm Chè có 05 sản phẩm (phân nhóm chè tươi, chế biến có 04 sản phẩm; phân nhóm các sản phẩm khác từ chè, trà có 01 sản phẩm).

- + Nhóm Cà phê, ca cao có 04 sản phẩm.

- Ngành đồ uống - phân nhóm đồ uống có cồn có 04 sản phẩm.

- * Kết quả đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP

- Có 05 sản phẩm không đủ điều kiện chấm điểm;

- Có 26 sản phẩm của 11 Doanh nghiệp, HTX, chủ cơ sở sản xuất đủ điều kiện đánh giá, xếp hạng và chấm điểm đạt từ 50 điểm trở lên, bao gồm:

- + Sản phẩm đạt hạng 4 sao: 02 sản phẩm;

- + Sản phẩm đạt hạng 3 sao: 24 sản phẩm.

Năm 2020, theo kế hoạch tỉnh Điện Biên triển khai 02 đợt đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP, nhưng do dịch Covid19 nên Hội đồng đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP tỉnh, gộp thành 01 lần đánh giá, dự kiến thực hiện trong tháng 10. Dự kiến đến cuối năm 2020 đánh giá xếp hạng cho 10 sản phẩm.

2.4.4. Số lượng, phân loại các chủ thể tham gia thực hiện Chương trình OCOP (doanh nghiệp, HTX, hộ gia đình...).

Có 11 Doanh nghiệp, HTX, chủ cơ sở sản xuất có sản phẩm được xếp hạng, trong đó:

- + 05 Doanh nghiệp

- + 05 Hợp tác xã

- + 01 Hộ sản xuất

2.5. Kết quả thực hiện các chương trình, đề án đặc thù trong xây dựng nông thôn mới.

2.5.1. Kết quả thực hiện Đề án 1385 của Thủ tướng Chính phủ

Đề án triển khai trên địa bàn 255 thôn, bản của 25 xã thuộc 04 huyện của tỉnh Điện Biên, gồm các huyện: Điện Biên (08 xã với 81 thôn, bản), Mường Chà

(03 xã với 30 thôn, bản), Nậm Pồ (08 xã với 71 thôn, bản) và huyện Mường Nhé (06 xã với 73 thôn, bản).

- Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới cấp thôn, bản: Đến nay UBND cấp huyện chưa thực hiện xét công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới, tuy nhiên có 6 bản, xã Chà Nưa, huyện Nậm Pồ thuộc vùng Đề án đã được UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Ước thực hiện đến hết năm 2020, có hơn 100 thôn, bản được công nhận thôn, bản nông thôn mới.

- Kết quả các xã đặc biệt khó khăn vươn lên đạt chuẩn nông thôn mới được công nhận (*tính đến hết tháng 07/2020*): có 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Chà Nưa - huyện Nậm Pồ), 03 xã đạt từ 15-18 tiêu chí (xã Sín Thầu - huyện Mường Nhé, Mường Mươn - huyện Mường Chà, Mường Nhà - huyện Điện Biên); 06 xã đạt 10 -14 tiêu chí (xã đạt Mường Pòn, Mường Lói - huyện Điện Biên, đạt 10 tiêu chí; Na Sang – huyện Mường Chà, đạt 12 tiêu chí; Si Pa Phìn, Nà Hỳ - huyện Nậm Pồ, đạt 10 tiêu chí; xã Mường Nhé – huyện Mường Nhé, đạt 14 tiêu chí); có 15 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí; Số tiêu chí bình quân đạt 9,76 tiêu chí/xã. Trong đó, huyện Điện Biên đạt 8,6 tiêu chí/xã, huyện Mường Chà đạt 12 tiêu chí/xã, huyện Mường Nhé đạt 10,3 tiêu chí/xã, huyện Nậm Pồ 9,6 tiêu chí/xã.

2.5.2. Kết quả thực hiện Đề án 29 xã biên giới

Đề án được triển khai trên địa bàn 29 xã thuộc 04 huyện của tỉnh Điện Biên, gồm các huyện: Điện Biên (12 xã), Mường Chà (03 xã), Nậm Pồ (08 xã) và huyện Mường Nhé (06 xã); Có 01 xã có biên giới giáp với Trung Quốc và Lào, 01 xã có biên giới giáp với Trung Quốc, 27 xã có biên giới với Lào.

- Kết quả đạt chuẩn nông thôn mới: Đến nay, đã có 08 xã được công nhận đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới², đạt 114% so với mục tiêu Đề án (đến năm 2020 có 07 xã đạt³); 06 xã đạt 10-14 tiêu chí (xã Mường Pòn, Mường Lói – huyện Điện Biên, đạt 10 tiêu chí; Na Sang – huyện Mường Chà, đạt 12 tiêu chí; Si Pa Phìn, Nà Hỳ - huyện Nậm Pồ, đạt 10 tiêu chí; xã Mường Nhé – huyện Mường Nhé, đạt 14 tiêu chí); có 15 xã đạt từ 5 - 9 tiêu chí; Số tiêu chí bình quân đạt 11,03 tiêu chí/xã, đạt 79,75% kế hoạch Đề án (đến hết năm 2020, đạt 13,83 tiêu chí/xã). Trong đó, huyện Điện Biên 12,08 tiêu chí/xã, huyện Mường Chà 12 tiêu chí/xã, huyện Mường Nhé 10,3 tiêu chí/xã, huyện Nậm Pồ 9,6 tiêu chí/xã; dự kiến phấn đấu đến năm 2020, số tiêu chí bình quân đạt 12,1 tiêu chí/xã, tăng 6,1 tiêu chí so với năm 2016.

- Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới:

+ Tiêu chí số 1 về Quy hoạch: có 29 xã, đạt 100% Kế hoạch.

+ Tiêu chí số 2 về Giao thông: có 8 xã, đạt 61,53% Kế hoạch (Kế hoạch năm 2020 là 13 xã đạt).

² 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới (xã Thanh Chăn, Thanh Hưng, Thanh Luông, Thanh Nưa - huyện Điện Biên và Chà Nưa - huyện Nậm Pồ); 03 xã cơ bản đạt chuẩn nông thôn mới (Sín Thầu – huyện Mường Nhé, Mường Mươn – huyện Mường Chà, Mường Nhà - huyện Điện Biên).

³ Mục tiêu Đề án đến năm 2020, có 7 xã đạt chuẩn nông thôn mới gồm: xã Thanh Chăn, Thanh Hưng, Thanh Luông, Thanh Nưa - huyện Điện Biên; xã Na Sang – huyện Mường Chà; xã Si Pa Phìn huyện Nậm Pồ; xã Sín Thầu huyện Mường Nhé.

- + Tiêu chí số 3 về Thủy lợi: có 28 xã, vượt 06 xã (Kế hoạch năm 2020 là 22 xã đạt).
- + Tiêu chí số 4 về Điện: có 16 xã, đạt 55,17% Kế hoạch (Kế hoạch năm 2020 là 29 xã đạt).
- + Tiêu chí số 5 về Trường học: có 13 xã, đạt 108% KH, vượt 01 xã (KH năm 2020 là 12 xã đạt).
- + Tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất Văn hóa: có 12 xã, vượt 05 xã (Kế hoạch năm 2020 là 07 xã đạt).
- + Tiêu chí số 7 về cơ sở Hạ tầng Thương mại: có 23 xã, vượt 12 xã (Kế hoạch năm 2020 là 11 xã đạt).
- + Tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông: có 22 xã, đạt 75,86% Kế hoạch (Kế hoạch năm 2020 là 29 xã đạt).
- + Tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư: có 10 xã, đạt 55,55% Kế hoạch (Kế hoạch năm 2020 là 18 xã đạt).
- + Tiêu chí số 10 về Thu nhập: có 8 xã đạt tiêu chí thu nhập, vượt 01 xã (Kế hoạch năm 2020 là 7 xã đạt).
- + Tiêu chí số 11 về Hộ nghèo: có 6 xã, đạt 50% Kế hoạch (Kế hoạch năm 2020 là 12 xã đạt).
- + Tiêu chí số 12 về Lao động có việc làm: có 29 xã, vượt 06 xã (Kế hoạch năm 2020 là 23 xã đạt).
- + Tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất: có 11 xã, đạt 59,25% Kế hoạch (Kế hoạch năm 2020 là 27 xã đạt).
- + Tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo: có 17 xã, đạt 62,96% Kế hoạch (Kế hoạch năm 2020 là 27 xã đạt).
- + Tiêu chí số 15 về Y tế: 19 xã đạt tiêu chí y tế, đạt 65,51% Kế hoạch (Kế hoạch năm 2020 là 29 xã đạt).
- + Tiêu chí số 16 về Văn hóa: có 12 xã, đạt 48% Kế hoạch (Kế hoạch năm 2020 là 25 xã đạt).
- + Tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm: có 16 xã, đạt 80% Kế hoạch (Kế hoạch năm 2020 là 20 xã đạt).
- + Tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật: có 13 xã, đạt 46,42% Kế hoạch (Kế hoạch năm 2020 là 28 xã đạt).
- + Tiêu chí số 19 về Quốc phòng và an ninh: có 28 xã, đạt 96,55% Kế hoạch (Kế hoạch năm 2020 là 29 xã đạt).

3. Đánh giá kết quả chung đạt được và những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân cần khắc phục.

3.1. Những kết quả nổi bật đã đạt được

- Với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền; sự vào cuộc cả hệ thống chính trị và toàn xã hội từ tỉnh đến cơ sở, việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến tháng 7/2020 tiếp tục đạt được những kết quả tích cực. Tính đến nay, bình quân chung số

tiêu chí đạt chuẩn nông thôn mới của toàn tỉnh là 11,3 tiêu chí/xã, nâng tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới là 19 xã, xã cơ bản đạt chuẩn là 14 xã (đạt từ 15-18 tiêu chí), đạt 89,18% so với Kế hoạch 3055/KH-UBND đề ra là 37 xã đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn. Số xã đạt từ 10-14 tiêu chí là 26 xã, số xã đạt từ 5-9 tiêu chí là 56 xã, không còn xã dưới 5 tiêu chí; các xã đạt chuẩn NTM tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, để phấn đấu được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao vào các năm tiếp theo; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn ước đạt 19 triệu đồng/người/năm, kết cấu hạ tầng thiết yếu đang tiếp tục được đầu tư; lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường và an toàn thực phẩm có chuyển biến tích cực; hệ thống chính trị được củng cố; quốc phòng an ninh được giữ vững.

- Đời sống của vật chất và tinh thần của người dân nông thôn tiếp tục được cải thiện, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới. Nhận thức, trách nhiệm của nhân dân được nâng lên, nhân dân đã xác định được mình là chủ thể chính trong xây dựng NTM nên đã chủ động tự giác đóng góp nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ tài sản chung, giữ gìn môi trường xanh - sạch - đẹp.

- Đã thực hiện tốt các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh để bố trí lồng ghép các nguồn vốn, tập trung huy động, khai thác nguồn vốn đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

3.2. Những hạn chế, tồn tại chủ yếu và nguyên nhân

a) Hạn chế, tồn tại:

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy đảng, chính quyền ở cấp huyện, xã còn hạn chế, thiếu sâu sát, quyết liệt trong tổ chức triển khai xây dựng nông thôn mới.

- Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới chưa được thường xuyên, hiệu quả chưa cao, người dân và cán bộ cấp xã, cấp huyện một số địa phương vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào nguồn lực đầu tư và hỗ trợ của Nhà nước; chưa phát huy được vai trò của các tổ chức, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị trong thực hiện các nội dung, tiêu chí xây dựng nông thôn mới; chưa thực sự sát sao, thường xuyên trong việc đôn đốc, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện.

- Tiến độ thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới còn chậm, đặc biệt là xây dựng xã nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, xây dựng thôn bản xây dựng nông thôn mới. Một số địa phương còn thiếu chủ động trong việc triển khai thực hiện.

- Việc huy động đóng góp của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn do nhân dân vùng nông thôn có thu nhập thấp, tỷ lệ hộ nghèo cao, nhận thức của một bộ phận nhân dân còn nhiều hạn chế nên việc ứng dụng KHKT vào sản xuất còn gặp nhiều khó khăn.

- Công tác bảo vệ môi trường, xử lý, thu gom rác thải ở một số xã trên địa bàn các huyện chưa được đảm bảo, nhất là đối với những xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới;

- Việc duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới tại các xã đã được công nhận đạt chuẩn NTM có xu hướng chững lại, nhất là về tiêu chí môi trường xanh, sạch, đẹp.

b) Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém

- Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên; phương pháp tuyên truyền đơn điệu. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở cơ sở còn hạn chế, trách nhiệm của người đứng đầu và một số cán bộ các cấp chưa cao. Một số bộ phận cấp ủy đảng, chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, ý nghĩa, nội dung của Chương trình xây dựng nông thôn mới, thiếu chủ động, sáng tạo trong quá trình chỉ đạo, tổ chức thực hiện; còn tư tưởng thụ động, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

- Sự phối hợp giữa các cấp, ngành chưa tích cực, chặt chẽ, kịp thời. Trình độ, năng lực quản lý, điều hành của cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, đặc biệt là cấp xã còn nhiều hạn chế. Công tác quản lý đầu tư, thẩm định, phê duyệt, triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ở cấp xã còn lúng túng.

II. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VÀ NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM 2021

1. Mục tiêu phấn đấu

a) Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục xây dựng nông thôn mới bền vững, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, phát triển nông nghiệp theo nội dung Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp của tỉnh. Nâng cao giá trị sản phẩm hàng hóa, tạo liên kết chuỗi gắn với phát triển sản xuất công nghiệp, dịch vụ; phát triển văn hóa giàu bản sắc dân tộc; môi trường sinh thái được đảm bảo; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng lên.

b) Mục tiêu cụ thể

Phấn đấu đến hết năm 2021, có thêm trên 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số xã đạt chuẩn NTM trên địa bàn toàn tỉnh đến hết năm 2021 lên trên 23 xã (*trong đó, có ít nhất 01 xã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu*); bình quân tiêu chí đạt 11,84 tiêu chí/xã; Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 84,56%; Thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn ước đạt 20,5 triệu đồng/người/năm; Tỷ lệ hộ nghèo ở khu vực nông thôn ước còn 34%; Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế đạt 99%.

2. Dự kiến nguồn lực và khả năng huy động nguồn lực thực hiện Chương trình trung hạn giai đoạn 2021-2025

a) Nguồn lực thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Tổng nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2021-2025 là: **14.369.171** triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương trực tiếp cho Chương trình: 2.844.723 triệu đồng

- + Vốn Đầu tư phát triển⁴: 2.206.000 triệu đồng
- + Vốn sự nghiệp: 638.723 triệu đồng
- Vốn ngân sách địa phương bố trí trực tiếp: 37.727 triệu đồng
- Vốn lồng ghép: 8.063.326 triệu đồng
- Vốn tín dụng⁵: 3.276.969 triệu đồng
- Vốn doanh nghiệp, Hợp tác xã: 2.500 triệu đồng
- Vốn huy động từ cộng đồng dân cư: 143.926 triệu đồng

b) Nguồn vốn thực hiện các Chương trình, dự án đặc thù

Tổng nhu cầu nguồn lực giai đoạn 2021-2025 là: 900.000 triệu đồng, trong đó:

- + Vốn Đầu tư phát triển: 800.000 triệu đồng
- + Vốn sự nghiệp: 100.000 triệu đồng

3. Đề xuất nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu để thực hiện

a) Tập trung chỉ đạo các địa phương rà soát và hoàn thành mục tiêu của giai đoạn 2016-2020, nhất là các chỉ tiêu, mục tiêu của các Đề án đặc thù đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các mục tiêu của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đề ra; xây dựng Chương trình, kế hoạch thực hiện giai đoạn sau năm 2020 cụ thể, sát với tình hình thực tế; nhất là giải pháp hỗ trợ các thôn, bản ở các địa bàn đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới để từng bước hoàn thành tiêu chí xã nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và coi đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của tỉnh.

b) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và người dân để khơi dậy tiềm năng, lợi thế của địa phương trong phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh... phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

c) Triển khai thực hiện các nội dung trọng tâm của Chương trình như:

- Thực hiện có hiệu quả Chương trình OCOP gắn với đẩy mạnh triển khai Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng và xem đây là định hướng trọng tâm.

- Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng thiết yếu, cơ bản ở nông thôn; có chính sách đột phá, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn; trong đó, chú trọng đầu tư cho các công trình cấp thôn, bản nhằm cải thiện trực tiếp điều kiện sinh hoạt và sản xuất

⁴Căn cứ hướng dẫn tại Phụ lục III, Công văn số 1496/BNN-VPDP ngày 3/3/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tổng kết, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và đề xuất thực hiện giai đoạn 2021-2025 (30 tỷ/ xã dưới 10 tiêu chí, 20 tỷ/xã từ 10-14 tiêu chí, 10 tỷ/xã từ 15-18 tiêu chí, 06 tỷ/ xã đạt nâng cao, kiều mẫu, 03 tỷ/xã còn lại).

⁵Căn cứ báo cáo 298/BC-NHCS ngày 30/3/2020 và Mẫu biểu vốn vay tín dụng cho Chương trình xây dựng nông thôn mới của Ngân hàng Chính sách tỉnh Điện Biên.

của người dân, từng bước hoàn thiện các tiêu chí xã nông thôn mới, ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu.

- Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao, bài trừ hủ tục, tệ nạn xã hội để nâng cao đời sống tinh thần của người dân nông thôn. Bảo tồn và phát huy sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc, làm cơ sở để nhân rộng các mô hình du lịch cộng đồng ở các vùng nông thôn.

- Tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn (thu gom xử lý nước thải, chất thải, bao gói thuốc bảo vệ thực vật...) và cải tạo cảnh quan môi trường; trong đó, tập trung phát triển các mô hình thôn, bản xanh - sạch - đẹp làm tiền đề cho phát triển du lịch cộng đồng.

- Triển khai các giải pháp mạnh để kiềm chế và xử lý triệt để các vấn đề tội phạm liên quan đến ma túy, tình hình phức tạp của truyền đạo trái phép; nhân rộng và phát huy hiệu quả các mô hình tự quản đảm bảo giữ vững an ninh trật tự xã hội thông qua phát huy vai trò của các trưởng bản, người đứng đầu dòng họ.

d) Tăng cường nâng cao chất lượng công tác giáo dục, đào tạo; trong đó nâng cao hiệu quả của đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với các Chương trình/Đề án cụ thể trên địa bàn. Đồng thời quan tâm, tăng cường bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ làm công tác xây dựng nông thôn mới ở các cấp, nhất là ở cấp xã, thôn để nâng cao chất lượng công tác tham mưu, đề xuất các cơ chế, chính sách sáng tạo, đột phá phù hợp với điều kiện đặc thù của vùng; thực hiện tốt công tác cán bộ cơ sở, tăng cường điều động, luân chuyển cán bộ có năng lực giữ vị trí chủ chốt ở huyện, xã khó khăn để tạo sự chuyển biến trong triển khai Chương trình.

e) Thường xuyên tăng cường đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Chương trình gắn với rà soát, nghiên cứu và đề xuất ban hành các cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

f) Kiện toàn Bộ máy tham mưu giúp việc của Chương trình theo hướng chuyên nghiệp, đồng bộ, hiệu quả; tổ chức Văn phòng thực hiện các Chương trình MTQG (có tổ chức, biên chế riêng) để tham mưu cho Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình MTQG quản lý, triển khai có hiệu quả Chương trình.

III. ĐỀ XUẤT KIÊN NGHỊ

1. Đề xuất Chính phủ

- Tiếp tục quan tâm ưu tiên bố trí nguồn lực hỗ trợ các thôn, bản, xã đặc biệt khó khăn, biên giới (ghi thành danh mục riêng) để hỗ trợ địa phương trong xây dựng nông thôn mới.

2. Đề xuất với Ban chỉ đạo Trung ương

Kiện toàn và thống nhất Bộ máy tham mưu giúp việc cho Chương trình xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng chuyên trách (có tổ chức và bố trí biên chế riêng) để tham mưu hiệu quả Chương trình; bố trí 01 biên chế

chuyên trách ở cấp xã để triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới - OCOP.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 7 tháng đầu năm; ước thực hiện cả năm 2020 và dự kiến kế hoạch năm 2021 trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Kính gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tổng hợp./.LVT

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT UBND tỉnh;
- VPĐPNTM TW;
- Các Sở: NN&PTNT, KH&ĐT, TC;
- VPĐPNTM tỉnh;
- Lưu: VT, KTN_(NNT).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

HT

Lò Văn Tiến

17
**KẾT QUẢ ĐẠT CHUẨN NTM ĐẾN THÁNG 7/2020, ƯỚC THỰC HIỆN CĂ NĂM 2020
 VÀ DỰ KIẾN MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Báo cáo số: 272 /BC-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Đối tượng	ĐVT	Tính đến 31/7/2020	Ước thực hiện đến 31/12/2020	Dự kiến mục tiêu 2021-2025	Trong đó, Dự kiến thực hiện năm 2021
I	Cấp xã					
1	Tổng số xã (sau sáp nhập theo các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ của Quốc hội)	xã	115	115	115	115
2	Số xã đạt 19 tiêu chí <i>Trong đó: Số xã đã có Quyết định công nhận đạt chuẩn</i>	xã	19	21	30	23
3	Số xã theo nhóm tiêu chí	xã				
-	Số xã đạt từ 15-18 tiêu chí	xã	14	22	35	25
-	Số xã đạt 10-14 tiêu chí	xã	26	30	50	35
-	Số xã dưới 10 tiêu chí	xã	56	42		32
4	Số xã được công nhận đạt chuẩn nâng cao	xã	0	1	5	1
5	Số xã được công nhận đạt chuẩn kiểu mẫu	xã	0	1	5	1
II	Đơn vị cấp huyện					
1	Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới <i>Trong đó: Đã có quyết định công nhận</i>		0	1	2	1
2	Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao		0	0		
3	Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu		0	0		
III	Cấp thôn, bản					
1	Số thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới <i>Trong đó:</i>	Bản	0	108	750	128
-	Số lượng thôn, bản, ấp đã có Quyết định công nhận theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ	Bản	0	108	255	128
-	Số lượng thôn, bản, ấp đã có quyết định đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu		0	38	150	48

TT	Đối tượng	ĐVT	Tính đến 31/7/2020	Ước thực hiện đến 31/12/2020	Dự kiến mục tiêu 2021-2025	Trong đó, Dự kiến thực hiện năm 2021
2	Số lượng khu dân cư đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí của tỉnh ban hành (nếu có)		0	0		
	Trong đó					
-	Số lượng khu dân cư đã có Quyết định công nhận đạt chuẩn		0	0		
-	Số lượng khu dân cư đã có Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu		0	0		
IV	Một số chỉ tiêu cơ bản					
1	Thu nhập bình quân khu vực nông thôn/người/năm	Tr.đồng	19	19,5	22,7	20,5
2	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	39,43	37	16	34
3	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT	%	98,9	98,9	99	99
4	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	84,13	84,13	90	84,56
5	Tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải trên địa bàn nông thôn	%				

**Đánh giá kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới
giai đoạn 2016-2020**

19

(Kèm theo Báo cáo số: 272 /BC-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị: % số xã

TT	Tiêu chí	Tỷ lệ xã đạt các nội dung tiêu chí	
		Tính đến 31/7/2020	Dự kiến đến 31/12/2020
1	Quy hoạch	100	100
2	Giao thông	44,34	45,21
3	Thủy lợi	93,04	93,91
4	Điện	53,04	53,91
5	Trường học	53,04	53,91
6	Cơ sở vật chất văn hóa	48,69	49,56
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	80,86	82,6
8	Thông tin và Truyền thông	69,56	70,43
9	Nhà ở cư dân	34,78	39,13
10	Thu nhập	20	21,73
11	Tỷ lệ Hộ nghèo	17,39	20
12	Lao động có việc làm	100	100
13	Tổ chức sản xuất	56,52	58,26
14	Giáo dục và Đào tạo	54,78	56,52
15	Y tế	61,73	65,21
16	Văn hóa	60	61,73
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	46,95	50,43
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	47,82	50,43
19	Quốc phòng và An ninh	85,21	86,08

Kết quả phân bổ vốn Trung ương cho các xã theo quy định tại Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017,

Dự kiến kế hoạch năm 2021 và 5 năm 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số: 272 /BC-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Đối tượng	ĐVT	Đã phân bổ năm 2020			Dự kiến nhu cầu giai đoạn 2021-2025			Trong đó		
			Số xã	Vốn bình quân/đơn vị	Tổng vốn NSTW	Số xã	Vốn bình quân/đơn vị	Tổng nhu cầu vốn NSTW	Số xã	Vốn bình quân/đơn vị	Tổng nhu cầu vốn NSTW
I	Đối với các xã		115	4.750	546.200	115	19.183	2.206.000	115	3.562	409.600
1	Xã nghèo, đặc biệt khó khăn	xã	101								
-	Xã đặc biệt khó khăn dưới 5 tiêu chí	xã									
-	Xã đặc biệt khó khăn còn lại	xã									
2	Xã 5-9 tiêu chí	xã	42			42	30.000	1.260.000	32	6.000	192.000
3	Xã từ 10-14 tiêu chí	xã	30			30	20.000	600.000	35	4.000	140.000
4	Xã từ 15 tiêu chí trở lên	xã	22			22	10.000	220.000	25	2.000	50.000
5	Xã phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao	xã	21	Nếu có		21	6.000	126.000	23	1.200	27.600
6	Xã phấn đấu đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	xã									
7	Các xã còn lại										
II	Đối với cấp huyện	Huyện									
1	Huyện phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới										
2	Huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao			Giai đoạn 2016-2020 không bố trí							
3	Huyện phấn đấu đạt chuẩn NTM kiểu mẫu										

KẾT QUẢ PHÂN BỐ, BỐ TRÍ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2020,

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2021 VÀ 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số: 272 /BC-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên)

TT	Nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng	Giao KH năm 2020	Thực hiện đến hết tháng 7/2020		ước thực hiện đến hết 31/12/2020		Dự kiến giai đoạn 2021-2025		Trong đó kế hoạch 2021	
			Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)
1	Hệ thống giao thông	270.904	150.084	55,40	270.904	100	1.058.000	100	180.000	100
2	Hệ thống thủy lợi	45.987	16.231	35,29	45.987	100	230.000	100	46.000	100
3	Hệ thống điện	3.350	1.520	45,37	3.350	100	23.000	100	4.600	100
4	Hệ thống trường học	15.255	7.021	46,02	15.255	100	235.000	100	47.000	100
5	Hệ thống CSVC văn hóa	70.304	30.102	42,82	70.304	100	320.000	100	64.000	100
6	Hệ thống CSHT thương mại	9.030	3.560	39,42	9.030	100	20.000	100	4.000	100
7	Hệ thống trạm y tế					100	150.000	100	30.000	100
8	Hệ thống công trình cung cấp nước sạch	30.470	14.035	46,06	30.470	100	120.000	100	24.000	100
9	Các công trình xử lý môi trường					100	50.000	100	10.000	100
10	Nội dung khác	15.000	3.486	23,24	15.000	100				
11	Vốn Sự nghiệp	85.900	2.748	3,20	85.900	100	638.723	100	127.744	100
	Cộng	546.200	228.787	41,89	546.200	100	2.844.723	100	537.344	100

Biểu 4.1

KẾT QUẢ PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2020, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2021 VÀ 5 NĂM 2021-2025

(bao gồm nguồn vốn nước ngoài hỗ trợ 18 tỉnh thực hiện Dự án WB)

(Kèm theo Báo cáo số: 272 /BC-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng	Giao KH năm 2020	Thực hiện đến hết tháng 7/2020		Ước thực hiện đến hết 31/12/2020		Dự kiến giai đoạn 2021-2025		Trong đó kế hoạch 2021	
			Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)
1	Hệ thống giao thông	270.904	150.084	55,40	270.904	100	1.058.000	100	180.000	100
2	Hệ thống thủy lợi	45.987	16.231	35,29	45.987	100	230.000	100	46.000	100
3	Hệ thống điện	3.350	1.520	45,37	3.350	100	23.000	100	4.600	100
4	Hệ thống trường học	15.255	7.021	46,02	15.255	100	235.000	100	47.000	100
5	Hệ thống CSVC văn hóa	70.304	30.102	42,82	70.304	100	320.000	100	64.000	100
6	Hệ thống CSHT thương mại	9.030	3.560	39,42	9.030	100	20.000	100	4.000	100
7	Hệ thống trạm y tế					100	150.000	100	30.000	100
8	Hệ thống công trình cung cấp nước sạch	30.470	14.035	46,06	30.470	100	120.000	100	24.000	100
9	Các công trình xử lý môi trường					100	50.000	100	10.000	100
10	Nội dung khác	15.000	3.486	23,24	15.000	100		100		100
Cộng		460.300	226.039	49,11	460.300		2.206.000		409.600	

KẾT QUẢ PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP NĂM 2020, DỰ KIẾN KẾ HOẠCH NĂM 2021 VÀ 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số: 272 /BC-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng	Giao KH năm 2020	Thực hiện đến hết tháng 7/2020		Ước thực hiện đến hết 31/12/2020		Dự kiến giai đoạn 2021-2025		Trong đó kế hoạch 2021	
			Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)
1	Nội dung thành phần số 1: Quy hoạch xây dựng nông thôn mới									
2	Nội dung thành phần số 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội	57.000			57.000	100	47.600	100	9.400	100
2.1	Nội dung số 05: Hoàn thiện hệ thống Trung tâm văn hóa - thể thao, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bản	50.000			50.000	100	21.250	100	5.500	100
2.2	Nội dung số 08: Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở	7.000			7.000	100	26.350	100	3.900	100
3	Nội dung thành phần số 3: Phát triển sản xuất gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân	15.150	779	5,14	15.150	100	435.054	100	84.844	100
3.1	Nội dung số 01: Triển khai có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng liên kết chuỗi giá trị để nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững	3500			3.500	100	364.359	100	25.344	100
3.2	Nội dung số 03: Tiếp tục thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm						5.950	100	30.000	100
3.3	Nội dung số 04: Tiếp tục đổi mới tổ chức sản xuất trong nông nghiệp, thực hiện Quyết định số 2261/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020.						1.386	100	17.000	100
3.4	Nội dung số 05: Phát triển ngành nghề nông thôn	10.800			10.800	100	32.555	100	6.500	100
3.4.1	Xây dựng và phát triển mô hình xã một sản phẩm (OCOP);	7.800			7.800	100	28.305	100	4.000	100

TT	Nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng	Giao KH năm 2020	Thực hiện đến hết tháng 7/2020		ước thực hiện đến hết 31/12/2020		Dự kiến giai đoạn 2021-2025		Trong đó kế hoạch 2021	
			Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)
3.4.2	Bảo tồn và phát triển làng nghề gắn với phát triển du lịch sinh thái; khuyến khích phát triển mỗi làng một nghề; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, cải tiến mẫu mã bao bì sản phẩm cho sản phẩm làng nghề”	3.000	280	9,33	3.000		4.250	100	2.500	100
3.5	Nội dung số 06: Nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn	850	714	84,00	850	100	30.804	100	6.000	100
3.5.1	Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	450					22.304	100	4.000	100
3.5.2	Đào tạo nghề phi nông nghiệp cho lao động nông thôn	400					8.500	100	2.000	100
4	Nội dung thành phần số 5: Phát triển giáo dục ở nông thôn.	1.500			1.500	100	23.970	100	4.500	100
5	Nội dung thành phần số 6: Phát triển y tế cơ sở, nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn						20.000	100	4.000	100
6	Nội dung số 7: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn						20.000	100	4.000	100
7	Nội dung thành phần số 8: Vệ sinh môi trường nông thôn, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề	3.838	656	17,09	3.838	100	75.000	100	15.000	100
7.1	Nội dung số 01: Thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về cấp nước sạch và vệ sinh nông thôn đến năm 2020, cải thiện điều kiện vệ sinh, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi vệ sinh và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, góp phần nâng cao sức khỏe và chất lượng sống cho người dân nông thôn.						10.000	100	5.000	100
7.2	Nội dung số 02: Xây dựng các công trình bảo vệ môi trường nông thôn trên địa bàn xã, thôn theo quy hoạch; thu gom và xử lý chất thải, nước thải theo quy định; cải tạo nghĩa trang; xây dựng cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp.						50.000	100	5.000	100

TT	Nội dung đầu tư cơ sở hạ tầng	Giao KH năm 2020	Thực hiện đến hết tháng 7/2020		Ước thực hiện đến hết 31/12/2020		Dự kiến giai đoạn 2021-2025		Trong đó kế hoạch 2021	
			Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)	Khối lượng hoàn thành	Tỷ lệ giải ngân (%)
7.3	Nội dung số 03: Khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng						15.000	100	5.000	100
8	Nội dung thành phần số 9: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng NTM; cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân.	1.400	319	22,79	1.400	100	6.477	100	1.500	100
9	Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn									
10	Nội dung thành phần số 11 - Nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới và công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; truyền thông về xây dựng NTM	7.012			7.012	100	10.622	100	4.500	100
10.1	Nội dung số 02: Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng cho cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp	1.550					1.530	100	2.000	100
10.2	Nội dung số 03: Tổ chức triễn khai công tác giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp	5.462					1.190	100	500	100
10.3	Nội dung số 04: Truyền thông về xây dựng nông thôn mới						7.902	100	2.000	100
Cộng		85.900	2.748	3,20	85.900	100	638.723	100	127.744	100

KẾT QUẢ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN NĂM 2020, DỰ KIẾN NĂM 2021 VÀ 5 NĂM 2021-2025

(Kèm theo Báo cáo số: 272 /BC-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung chỉ tiêu	Tính đến 31/7/2020	Dự kiến đến 31/12/2020	Dự kiến giai đoạn 2021-2025	Trong đó, kế hoạch năm 2021
	TỔNG SỐ	2.031.467	2.031.467	14.369.171	2.842.233
I	Ngân sách Trung ương	546.200	546.200	2.844.723	537.344
1	Đầu tư phát triển (bao gồm nguồn vốn ngoài nước hỗ trợ 18 tỉnh thực hiện Dự án WB)	460.300	460.300	2.206.000	409.600
2	Sự nghiệp	85.900	85.900	638.723	127.744
II	Ngân sách địa phương			37.727	7.545
1	Tỉnh			37.727	7.545
2	Huyện				
3	Xã				
III	Vốn lòng ghép	1.336.596	1.336.596	8.063.326	1.612.665
IV	Vốn tín dụng*	119.186	119.186	3.276.969	655.394
V	Vốn doanh nghiệp			2.500	500
VI	Cộng đồng dân cư	29.485	29.485	143.926	28.785
1	Tiền mặt				
2	Ngày công và hiện vật quy đổi	29.485	29.485	143.926	28.785

KẾT QUẢ BỐ TRÍ NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐẶC THỦ

(Kèm theo Báo cáo số: 272 /BC-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Điện Biên)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Tính đến 31/12/2019	Dự kiến đến 31/12/2020	Dự kiến nhu cầu giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	99.450	150.910	900.000
1	Đề án "Xây dựng nông thôn mới vùng đồng bào dân tộc thiểu số, khu vực biên giới tỉnh Điện Biên, nhằm phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh, quốc phòng giai đoạn 2016-2020" (gọi tắt là Đề án 29 xã biên giới) theo Quyết định số 1573/QĐ-TTg ngày 09/8/2016 của Thủ tướng chính phủ			
a	Vốn Sự nghiệp	48.000	48.000	100.000
b	Vốn Đầu tư	51.450	102.910	800.000